

**QUYẾT ĐỊNH số 35/2004/QĐ-BKHHCN**  
**ngày 29/10/2004 của Bộ trưởng**  
**Bộ Khoa học và Công nghệ**  
**về việc ban hành Tiêu chuẩn**  
**Việt Nam.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC**  
**VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP*  
*ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định*  
*chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ*  
*cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công*  
*nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP*  
*ngày 16/01/2004 của Chính phủ sửa đổi,*  
*bổ sung một số điều của Nghị định số*  
*54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003;*

*Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng*  
*hóa ngày 24/12/1999;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng*  
*cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành 01 Tiêu chuẩn Việt  
 Nam sau đây:

1. TCVN 7342: 2004 Thép phế liệu  
 dùng làm nguyên liệu sản xuất thép  
 cacbon thông dụng - Phân loại và yêu  
 cầu kỹ thuật

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực  
 thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng  
 Công báo./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC**  
**VÀ CÔNG NGHỆ**  
*Thủ trưởng*

**Bùi Mạnh Hải**

## TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

TCVN 7342: 2004

THÉP PHẾ LIỆU DÙNG LÀM NGUYÊN LIỆU  
SẢN XUẤT THÉP CÁC BON THÔNG DỤNG -  
PHÂN LOẠI VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

Carbon steel scrap used as charge material for ordinary carbon steel making -  
Classification and technical requirements

**Lời nói đầu**

TCVN 7342: 2004 được biên soạn trên cơ sở các tài liệu sau:

TCVN 1768 - 75 Hồ liệu kim loại đen - Phân loại và yêu cầu kỹ thuật.

- Tiêu chuẩn quốc gia Nhật Bản: JIS G 2401 - 1979 *Classification standard for Iron and steel scrap* (Tiêu chuẩn phân loại gang và thép phế liệu)

- *Scrap Specifications Circular 1998 (ISRI) - Guidelines for Ferrous Scrap: FS - 98* (Mỹ)

(Quy định kỹ thuật phế liệu 1998 - ISRI - Các nguyên tắc đối với phế liệu gang và thép: FS 98)

- Tiêu chuẩn quốc gia Trung Quốc: GB/T 4223 - 1996 *Iron and steel scraps* (Phế liệu gang và thép).

TCVN 7342: 2004 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn TCVN/TC 17 Thép biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

**1. Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn này quy định việc phân loại và yêu cầu kỹ thuật của thép phế liệu dùng làm nguyên liệu sản xuất thép các bon thông dụng (sau đây gọi tắt là thép phế liệu).

## 2. Phân loại

### 2.1. Thép phế liệu bao gồm:

- Phế phẩm, đầu ngót, đầu mẩu, đầu tấm, mảnh vụn... trong quá trình sản xuất và gia công thép;
- Thép đường ray, thép tà vẹt, thép tấm, thép tròn, thép hình, thép ống, dây và lưới thép các loại đã qua sử dụng;
- Thép thu hồi từ việc cắt phá, tháo dỡ các công trình xây dựng đã qua sử dụng;
- Thép thu hồi từ việc cắt phá, tháo dỡ các phương tiện vận tải, máy móc và các đồ vật bằng thép đã qua sử dụng.

### 2.2. Thép phế liệu được phân thành 5 loại theo Bảng 1.

**Bảng 1.** Phân loại thép phế liệu dùng làm nguyên liệu sản xuất thép các bon

Số thứ tự	Loại	Chiều dày, mm	Chiều dài x rộng, max, mm	Khối lượng, kg/(cục, thanh)	Tỷ khối, kg/m <sup>3</sup>
1	Loại 1	> 6	2000 × 800	< 1000	-
2	Loại 2	từ 3 đến 6	2000 × 800	< 1000	-
3	Loại 3	< 3	2000 × 1000	< 1000	-
4	Loại đóng bánh	-	-	-	≥ 1000
5	Loại cắt vụn	-	-	-	≥ 800

*Chú thích 1* - Thông thường các loại thép phế liệu có thể chứa một lượng loại khác. Tỷ lệ các loại do người mua và người bán thỏa thuận.

*Chú thích 2* - Các sai lệch về kích thước, khối lượng, tỷ khối so với Bảng 1 có thể được chấp nhận theo thỏa thuận giữa người mua và người bán.

## 3. Yêu cầu kỹ thuật

3.1. Thép phế liệu không được cung cấp dưới dạng máy móc, thiết bị nguyên vẹn chưa cắt rời.

3.2. Thép phế liệu không được lẫn chất phóng xạ, chất gây cháy nổ, hóa chất độc, hợp chất hữu cơ có nguồn gốc động, thực vật có nguy cơ gây bệnh dịch, chất thải y tế và các loại vật liệu, hàng hóa bị cấm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3.3. Thép phế liệu phải được loại bỏ tạp chất nguy hại và gây ô nhiễm môi trường.

3.4. Thép phế liệu phải đảm bảo an toàn và không gây ra cháy nổ khi vận chuyển, xử lý hay nấu luyện lại.

#### **4. Phương pháp kiểm tra**

4.1. Kích thước, khối lượng của thép phế liệu được kiểm tra bằng dụng cụ đo thông dụng.

4.2. Tạp chất được kiểm tra bằng mắt thường.

4.3. Trong trường hợp cần thiết khối lượng tạp chất được kiểm tra bằng mẫu đại diện.

4.4. Xác định chất phóng xạ, hóa chất độc, các nguy cơ gây bệnh dịch theo các quy định hiện hành.

#### **5. Điều kiện giao nhận**

5.1. Thép phế liệu được giao nhận theo lô.

5.2. Mỗi lô phải kèm theo ít nhất các thông tin sau:

- Tên người/tổ chức mua và bán;
- Loại thép phế liệu;
- Khối lượng của lô thép phế liệu;
- Số hiệu tiêu chuẩn./.